

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 03/2017/KDTM-ST

Ngày: 30/10/2017

V/v: “Kiện tranh chấp hợp

đồng tín dụng”

**1
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Trương Quang Vinh.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1) Ông Ngô Văn Tuyển.

2) Bà Trịnh Thị Oanh.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Hoàng Văn Hiệt. Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Thủy. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30/10/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thụ lý số 10/2013/TLST-KDTM ngày 24/10/2013 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/ 2017/QĐST ngày 22/9/2017 và Quyết định hoãn phiên toà số 02/2017/QĐST ngày 10 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Quỹ đầu tư phát triển Đ.

Địa chỉ: Số nhà 81-83, đường Q, Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tấn P, sinh năm: 1959. (Có mặt).

Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số nhà 34A, đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ **Bị đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn P.

Địa chỉ: Số nhà 05, đường Nguyễn Viết X, tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng T. (Vắng mặt)

Chức vụ: Giám đốc.

Nơi cư trú: Buôn K, xã T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 127, đường Nguyễn Thị Minh K, phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Nguyễn M. (Đã chết).

2/ Bà Trần Thị Mai. Sinh năm 1932.(Đã chết).

Địa chỉ: Số nhà 127, đường Nguyễn Thị Minh K, phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3/ Anh Nguyễn Trọng Đăng K. Sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 127, đường Nguyễn Thị Minh K, Phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4/ Chị Nguyễn Thị Ánh T. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Buôn T, xã T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 127, đường Nguyễn Thị Minh K, phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2013, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên toà hôm nay người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Lê Tấn P trình bày:

Trên cơ sở dự án đầu tư xây dựng nhà hộ sinh P do ông Nguyễn Trọng T làm giám đốc, đối chiếu các quy định của pháp luật và quy chế hoạt động của cơ quan, ngày 12/10/2007 Quỹ đầu tư phát triển Đ (Sau đây gọi tắt là Quỹ đầu tư) và Công ty trách nhiệm hữu hạn P (Sau đây gọi tắt là Công ty P) ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2007/HĐTD ngày 12/10/2007. Theo hợp đồng, Công ty P vay của Quỹ đầu tư số tiền 3.500.000.000đ, tuy nhiên Quỹ đầu tư chỉ giải ngân cho Công ty P số tiền 3.031.000.000đ, số tiền giải ngân thực tế như sau:

- Ngày 26/10/2007 Quỹ đầu tư giải ngân cho Công ty P vay số tiền 753.696.000đ.

- Ngày 07/11/2007 Quỹ đầu tư giải ngân cho Công ty P vay số tiền 1.859.624.000đ.

- Ngày 30/11/2007 Quỹ đầu tư giải ngân cho Công ty P vay số tiền 271.221.000đ.

- Ngày 27/12/2007 Quỹ đầu tư giải ngân cho Công ty P vay số tiền 146.496.000đ.

Lãi suất theo hợp đồng tín dụng 9%/năm, mục đích Công ty P vay vốn để đầu tư xây dựng nhà hộ sinh P tại thị trấn P. Thời hạn vay là 05 năm (60 tháng), phương thức trả nợ gốc theo quý (04 quý/ 1 năm), thời điểm bắt đầu trả nợ như sau:

- Quý 4 năm 2008 trả 145.833.000đ;

- Năm 2009, năm 2010, năm 2011 mỗi năm trả 04 quý, mỗi quý trả số tiền 223.611.000đ;

- Năm 2012 trả 03 quý, mỗi quý trả số tiền 223.611.000đ.

Tuy nhiên do số tiền vay thực tế chỉ có 3.031.000.000đ nên ngày 10/01/2008 Quỹ đầu tư và Công ty P đã ký kết phụ lục hợp đồng số 01/PL-HĐTD ngày 10/01/2008 để điều chỉnh việc trả nợ gốc theo hợp đồng như sau:

- Quý 4 năm 2008 trả 189.437.000đ;

- Năm 2009, 2010, 2011 mỗi năm trả 04 quý, mỗi quý trả số tiền 189.440.000đ.

- Năm 2012 trả 03 quý, mỗi quý trả số tiền 189.440.000đ.

Ngày 25/12/2009 Quỹ đầu tư và Công ty P đã ký kết hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung về lãi suất của hợp đồng tín dụng số 01/2007 theo đó lãi suất được điều chỉnh từ 09%/1 năm xuống còn 6.9%/1năm. Thời hạn trả nợ được điều chỉnh lại như sau:

- Quý 3, Quý 4 năm 2010 trả 189.440.000đ;
- Năm 2011, năm 2012, năm 2013 mỗi năm trả 04 quý, mỗi quý trả số tiền 189.440.000đ;
- Năm 2014 trả 02 quý, quý 1 trả 189.440.000đ, quý 2 trả số tiền còn lại 189.437.000đ.

Khi vay vốn Quỹ đầu tư, Công ty P được bên thứ 3 thế chấp tài sản bảo đảm khoản vay, cụ thể như sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/HĐTC ngày 29/10/2007: Theo hợp đồng số 02 thì ông Nguyễn M bà Trần Thị M thế chấp cho Quỹ đầu tư phát triển Đ để cho Công ty TNHH P vay vốn. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số AD 800746 ngày 29/6/2006 đứng tên hộ ông Nguyễn M bà Trần Thị M. Diện tích đất thế chấp 152,1 m², thửa đất 153, tờ bản đồ số 08, địa chỉ lô đất: Số 127 Nguyễn Thị Minh K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và 01 nhà xây cấp 4 trên đất. Hợp đồng thế chấp này nhằm đảm bảo cho số tiền vay gốc 683.202.399đ và lãi suất phát sinh đối với số tiền 683.202.399đ tương ứng với số tiền vay 2.277.341.330đ theo hợp đồng vay vốn số 01/2008/HĐTCTS ngày 10/01/2008.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 01/HĐTC ngày 22/10/2007: Theo hợp đồng số 01 thì ông Nguyễn Trọng Đăng K thế chấp cho Quỹ đầu tư phát triển Đ để cho Công ty TNHH P vay vốn. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đã được UBND thành phố B cấp GCNQSD đất số AK 597387 ngày 19/10/2007 đứng tên ông Nguyễn Trọng Đăng K. Diện tích đất thế chấp 120 m², thửa đất số 139, tờ bản đồ số 50, địa chỉ lô đất: Phường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và 01 nhà xây cấp 4 trên đất. Hợp đồng thế chấp này nhằm đảm bảo cho số tiền vay gốc

226.109.000đ và lãi suất ứng với số tiền vay 226.109.000đ tương ứng với số tiền vay 753.696.667đ theo hợp đồng vay vốn số 01/2008/HĐTCTS ngày 10/01/2008.

- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư số 01/2008/HĐTCTS ngày 10/01/2008, theo hợp đồng số 01 này thì anh Nguyễn Trọng Đăng K thế chấp cho Quỹ đầu tư phát triển Đ để cho Công ty TNHH P vay vốn. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đã được UBND huyện P cấp GCNQSD đất số AA - 346164 ngày 05/10/2004 đứng tên hộ Nguyễn Trọng Đăng K. Diện tích đất thế chấp 237m², thửa đất 434a, tờ bản đồ số 17, địa chỉ lô đất: Thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và các tài sản hình thành từ vốn vay nhà cấp 2 và các thiết bị sau khi vay vốn. Hợp đồng thế chấp này nhằm đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và phí (Nếu có) theo hợp đồng vay vốn số 01/2008/HĐTCTS ngày 10/01/2008.

Từ khi vay vốn đến nay, Công ty P chưa trả cho Quỹ đầu tư được khoản tiền vay gốc nào, còn lãi suất Công ty P đã trả được 221.236.000đ. Hiện nay nhà hộ sinh P đã ngừng hoạt động nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông T không chịu mở thủ tục phá sản để thanh toán nợ cho Quỹ Đầu tư.

Vì vậy Quỹ đầu tư khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty P trả cho Quỹ đầu tư phát triển Đ số tiền vay gốc 3.031.000.000đ.

Về tiền lãi suất: Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết thì lãi suất các bên thỏa thuận lãi suất cho vay theo hợp đồng tín dụng là 9%/năm. Ngày 25/12/2009 Quỹ đầu tư và Công ty P đã ký kết hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung về lãi suất của hợp đồng tín dụng số 01/2007/HĐTĐ. Tại phần các điều khoản sửa đổi, bổ sung hai bên đã thỏa thuận lại: Lãi suất cho vay, lãi suất nợ trong hạn (Tính trên số dư nợ trong hạn) 9%/năm (0.75%/tháng) nay được điều chỉnh lại giảm xuống còn 6.9%/năm (0.575%/tháng) từ thời điểm 1/4/2009 mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo từng thời điểm khi có quyết định của UBND tỉnh Đắk Lắk. Tính từ ngày 01/4/2009 đến ngày xét xử sơ thẩm UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định về việc ban hành khung lãi suất cho vay tại Quỹ đầu tư phát triển Đ thay đổi 06 lần mức lãi suất, do vậy Quỹ đầu tư yêu cầu Công ty P trả cho Quỹ đầu tư 3.706.766.662đ tiền lãi suất, trong đó tiền lãi suất trong hạn:

1.443.480.912đ, tiền lãi suất quá hạn: 2.263.285.750đ, được khấu trừ số tiền đã trả trước 221.236.000đ; Còn lại 3.485.530.662đ.

Như vậy tổng số tiền vay gốc và lãi suất Quý đầu tư yêu cầu Công ty P phải trả là 6.516.530.662đ.

Trường hợp Công ty TNHH P không thanh toán được số nợ gốc và lãi suất phát sinh, Quý đầu tư yêu cầu Tòa án giải quyết xử lý các tài sản mà anh K, ông M, bà M đã đứng ra thế chấp cho Quý đầu tư.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Nguyễn Trọng T, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh T, anh Nguyễn Trọng Đăng K đến Tòa án lập bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Trọng T, bà Nguyễn Thị Ánh T, anh Nguyễn Trọng Đăng K vắng mặt không có lý do. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn M, bà Trần Thị M chết liên quan đến việc thừa kế đối với tài sản mà ông M bà M thế chấp cho Quý đầu tư để Công ty P vay tiền, Do vậy ngày 28/3/20014, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã xác minh hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn M và bà Trần Thị M nhưng Công an phường C không cung cấp được hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn M bà Trần Thị M nên Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã thông báo trên Đài truyền hình N và báo L để những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M bà M liên hệ với Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc tham gia tố tụng giải quyết theo thẩm quyền nhưng hết thời hạn thông báo những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M bà M không đến Tòa án giải quyết vụ việc nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Do đại diện theo pháp luật của Công ty P là ông Nguyễn Trọng T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trọng Đăng K, chị Nguyễn Thị Ánh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Căn cứ Điều 203,

Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận:

Ý kiến tranh luận của ông Lê Tấn P – Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Quỹ đầu tư phát triển Đ: Quỹ đầu tư giữ nguyên quan điểm khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn P có trách nhiệm trả cho chúng tôi số tiền vay gốc là 3.031.000.000đ và khoản tiền lãi suất tính từ khi Quỹ đầu tư giải ngân cho Công ty P theo mức lãi suất trong hợp đồng đã ký kết 3.706.766.662đ với tổng số tiền là 6.737.766.662đ, khấu trừ số tiền lãi suất đã trả 221.236.000đ, số tiền còn lại là 6.516.530.662đ. Trường hợp Công ty P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không hết đối với số tiền vay gốc và lãi suất thì đề nghị Tòa án xử lý toàn bộ tài sản mà ông M, bà M và anh K đã đứng ra thế chấp để thu hồi vốn vay cho Quỹ đầu tư.

Đối với số tiền 10.050.000đ (Mười triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) Quỹ đầu tư nộp cho Chi nhánh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông Thành Phố M và Tòa soạn báo L để thông báo cho ông Nguyễn Trọng T, anh Nguyễn Trọng Đăng K, chị Nguyễn Thị Ánh T và hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn M, bà Trần Thị M đến Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Số tiền này Quỹ đầu tư không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty P ông Nguyễn Trọng T; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh T, anh Nguyễn Trọng Đăng K vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham dự phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: HĐXX, Thẩm phán, Thư ký, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Thành phần HĐXX và thư ký phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Nguyễn Trọng T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ánh T, anh Nguyễn Trọng Đăng K mặc dù đã được

Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại buổi làm việc lập bản tự khai cũng như vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 471, Điều 474; Điều 318, Điều 319, Điều 355 của Bộ luật dân sự 2005.

- Điều 4 Luật kinh doanh thương mại 2005.

- Mục 3 phần I Thông Tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19 tháng 6 năm 1997 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp và Bộ tài chính; Khoản 1 điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ đầu tư phát triển Đ; Bác một phần yêu cầu tính lãi suất của Quỹ đầu tư phát triển Đ.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã vi phạm khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét về hình thức:

- Xét về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Quỹ đầu tư phát triển Đ, TAND huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm Quỹ đầu tư phát triển Đ khởi kiện, bị đơn Công ty TNHH P có trụ sở tại địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện P, tỉnh Đắk Lắk, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH P ông Nguyễn Trọng T; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh T, anh Nguyễn Trọng Đăng K đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà và Giấy báo tham gia phiên toà nhưng đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Nguyễn Trọng T; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh T, anh Nguyễn Trọng Đăng K vắng mặt không có lý do. Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Nguyễn Trọng T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh T, anh Nguyễn Trọng Đăng K theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị HĐXX buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn P trả cho Quỹ đầu tư phát triển Đ 3.031.000.000đ tiền vay gốc, HĐXX nhận định:

Ngày 12/10/2007 Quỹ đầu tư phát triển Đ và Công ty TNHH P ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2007/HĐTD số tiền vay vốn theo hợp đồng là 3.500.000.000đ. Tuy nhiên Quỹ đầu tư chỉ giải ngân cho Công ty P 3.031.000.000đ, cụ thể các lần giải ngân như sau: Ngày 26/10/2007 Quỹ đầu tư giải ngân cho Công ty P số 753.696.000đ; Ngày 07/11/2007 Quỹ đầu tư giải ngân cho Công ty P số tiền 1.859.624.000đ; Ngày 30/11/2007 Quỹ đầu tư giải ngân cho Công ty P số tiền 271.221.000đ; Ngày 27/12/2007 Quỹ đầu tư giải ngân cho Công ty P số tiền 146.496.000đ. Do số tiền Quỹ đầu tư giải ngân cho Công ty P ít hơn so với hợp đồng tín dụng nên ngày 10/01/2008 Quỹ đầu tư và Công ty P đã ký kết phụ lục hợp đồng số 01/PL-HĐTD để điều chỉnh việc trả nợ gốc và lãi suất theo hợp đồng: Thời hạn vay là 05 năm (60 tháng). Phương thức trả nợ gốc theo quý (04 quý/năm; 03 tháng/quý) thời điểm bắt đầu trả nợ như sau: Quý 3, Quý 4 năm 2010 trả 189.440.000đ; Năm 2011, năm 2012, năm 2013 mỗi năm trả 04 quý, mỗi quý trả số tiền 189.440.000đ; Năm 2014 trả 02 quý, quý 1 trả 189.440.000đ, quý 2 trả số tiền còn lại 189.437.000đ. Xét thấy việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không trái với quy định của pháp luật. Theo hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng ký kết giữa hai bên thì Công ty

P có trách nhiệm trả nợ gốc trong thời hạn 5 năm, kỳ trả nợ cuối cùng là quý 2 năm 2014 (Tức 30/6/2014). Tuy nhiên đến hạn trả nợ, bị đơn Công ty P không trả nợ tiền vay gốc như đã thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Căn cứ vào Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, HĐXX buộc Công ty TNHH P trả cho Quỹ đầu tư phát triển Đ số tiền vay gốc 3.031.000.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về lãi suất: Theo hợp đồng tín dụng số 01/2007/HĐTD ngày 12/10/2007 hai bên thỏa thuận lãi suất 9%/1 năm tính từ ngày giải ngân, đến ngày 25/12/2009 Quỹ đầu tư và Công ty P đã ký kết hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển sửa đổi, bổ sung số 10/2009/HĐTD-TD, theo hợp đồng lãi suất hai bên thỏa thuận điều chỉnh lãi suất từ 9%/1 năm xuống còn 6.9%/1 năm tính từ ngày 25/12/2009. Xét thấy việc thỏa thuận mức lãi suất trên do hai bên thỏa thuận là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Đối với phần 1 – Các điều khoản sửa đổi bổ sung Quỹ đầu tư phát triển Đ và Công ty TNHH P thỏa thuận: Từ thời điểm ngày 01/4/2009 lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo từng thời điểm khi có quyết định của UBND tỉnh Đắk Lắk. Ngày 24/3/2011 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định số 758/QĐ-UBND về việc điều chỉnh lãi suất cho vay các dự án do Quỹ đầu tư phát triển Đắk Lắk đầu tư, theo quyết định này UBND tỉnh Đắk Lắk điều chỉnh mức lãi suất là 11,4%/1 năm; Ngày 14/02/2012 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định số 337/QĐ-UBND về việc điều chỉnh lãi suất cho vay các dự án do Quỹ đầu tư phát triển Đắk Lắk đầu tư, theo quyết định này UBND tỉnh Đắk Lắk điều chỉnh mức lãi suất là 14,4%/1 năm; Ngày 09/7/2012 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định số 1471/QĐ-UBND về việc điều chỉnh lãi suất cho vay các dự án do Quỹ đầu tư phát triển Đắk Lắk đầu tư, theo quyết định này UBND tỉnh Đắk Lắk điều

chỉnh mức lãi suất là 12%/1 năm; Ngày 26/7/2013 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định số 1481/QĐ-UBND về việc điều chỉnh lãi suất cho vay các dự án do Quỹ đầu tư phát triển Đắk Lắk đầu tư, theo quyết định này UBND tỉnh Đắk Lắk điều chỉnh mức lãi suất là 9%/1 năm. Theo quy định tại Điều 1 của các Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 24/3/2011; Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 14/02/2012; Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 09/7/2012 UBND quy định: Mức lãi suất nêu trên được áp dụng đối với các dự án có hợp đồng tín dụng ký với Quỹ đầu tư phát triển Đ kể từ các ngày 01/02/2011, ngày 20/10/2011, ngày 25/6/2012; Trường hợp các hợp đồng tín dụng ký trước ngày 01/02/2011 vẫn thực hiện theo hợp đồng tín dụng đã ký. Như vậy phần thỏa thuận điều chỉnh lãi suất của phụ lục số 10/2009/HĐTD-TD ngày 25/12/2009 giữa Quỹ đầu tư và Công ty P đã ký kết là trái với các quyết định của UBND tỉnh Đắk Lắk. Việc Quỹ đầu tư áp dụng các Quyết định thay đổi về mức lãi suất để yêu cầu Tòa án tính lãi suất buộc Công ty P 3.706.766.662đ tiền lãi suất, trong đó tiền lãi suất trong hạn: 1.443.480.912đ; tiền lãi suất quá hạn: 2.263.285.750đ là chưa đúng với các Quyết định của UBND tỉnh Đắk Lắk. Do vậy HĐXX điều chỉnh lại mức lãi suất theo hợp đồng và mức lãi suất được tính như sau:

Tiền lãi suất trong hạn:

* Lãi suất theo hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận 9%/năm được tính từ ngày 26/10/2007 đến ngày 30/3/2009, mức lãi như sau:

- Ngày 26/10/2007 Quỹ đầu tư giải ngân cho Công ty P số tiền 753.696.000đ, lãi suất được tính theo hợp đồng tín dụng 9%/năm (0.75%/tháng). Đến ngày 07/11/2007 giải ngân tiếp số tiền 1.859.159.624.000đ là 12 ngày, do vậy lãi suất của số tiền 753.696.000đ là: $753.696.000đ \times 0.75\% \times 12 \text{ ngày} : 30 = 2.261.088đ$

- Ngày 07/11/2007 Quỹ đầu tư giải ngân cho Công ty P số tiền 1.859.624.000đ, như vậy số tiền Quỹ đầu tư đã giải ngân cho Công ty P là 2.613.320.000đ. Lãi suất tính 0.75%/tháng. Đến ngày 30.11/2007 Quỹ đầu tư giải ngân cho Công ty P số tiền 271.221.000đ là 23 ngày, do vậy lãi suất của số tiền 2.613.320.000đ là: $2.613.320.000đ \times 0.75\% \times 23 \text{ ngày} : 30 = 15.026.590đ$.

- Ngày 30/11/2007 Quỹ đầu tư giải ngân cho Công ty P số tiền 271.221.000đ, như vậy số tiền Quỹ đầu tư đã giải ngân cho Công ty P là 2.884.541.000đ. Lãi suất tính 0.75%/tháng. Đến ngày 27/12/2007 Quỹ đầu tư giải ngân cho Công ty P số tiền 146.469.000đ là 27 ngày, do vậy lãi suất của số tiền 2.884.541.000đ là: $2.884.541.000đ \times 0.75\% \times 27 \text{ ngày} : 30 = 19.470.652đ$.

- Ngày 27/12/2007 Quỹ đầu tư giải ngân cho Công ty P số tiền 146.469.000đ, như vậy số tiền Quỹ đầu tư đã giải ngân cho Công ty P là 3.031.000.000đ. Lãi suất tính 0.75%/tháng. Đến ngày 01/4/2009 theo hợp đồng tín dụng bổ sung số 10/2009/HĐTD-TD ngày 25/12/2009 Quỹ đầu tư và Công ty P thỏa thuận mức lãi suất đối với khoản vay là 6.9%/năm (0.575%/tháng) là 461 ngày, do vậy lãi suất của số tiền 3.031.000.000đ là: $3.031.000.000đ \times 0.75\% \times 461 \text{ ngày} : 30 = 349.322.750đ$.

* Lãi suất 6.9%/năm: Theo hợp đồng tín dụng bổ sung số 10/2009/HĐTD-TD ngày 25/12/2009 Quỹ đầu tư và Công ty P thỏa thuận mức lãi suất đối với khoản vay là 6.9%/năm (0.575%/tháng). Đến ngày 30/9/2010 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền 189.403.000đ là 548 ngày, do vậy mức lãi suất của số tiền vay gốc được tính là: $3.031.000.000đ \times 0.575\% \times 548 \text{ ngày} : 30 = 318.356.033đ$.

- Ngày 30/9/2010 Công ty P có nghĩa vụ trả gốc số tiền 189.403.000đ do đó số tiền lãi suất trong hạn còn lại là 2.841.560.000đ. Đến ngày 31/12/2010 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ là 92 ngày, do vậy lãi suất được tính như sau: $2.841.560.000đ \times 0.575\% \times 92 \text{ ngày} : 30 = 50.106.175đ$.

- Ngày 31/12/2010 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ do đó số tiền lãi suất trong hạn còn lại là 2.652.120.000đ. Đến ngày 31/3/2011 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ là 90 ngày, do vậy số tiền gốc 2.652.120.000 được tính lãi suất như sau: $2.652.120.000đ \times 0.575\% \times 90 \text{ ngày} : 30 = 45.749.070đ$.

- Ngày 31/3/2011 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ, do đó số tiền gốc còn lại trong hạn là 2.462.680.000đ. Đến ngày 30/6/2011 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ là 91 ngày, do vậy số tiền gốc 2.462.680.000đ được tính lãi suất như sau: $2.462.680.000đ \times 0.575\% \times 91 \text{ ngày} : 30 = 42.953.244đ$.

- Ngày 30/6/2011 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ, do đó số tiền gốc còn lại trong hạn là 2.273.240.000đ. Đến ngày 30/9/2011 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ là 92 ngày, do vậy số tiền gốc 2.273.240.000đ được tính lãi suất như sau: $2.273.240.000đ \times 0.575\% \times 92 \text{ ngày} : 30 = 40.084.799đ$.

- Ngày 30/9/2011 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ, do đó số tiền gốc còn lại trong hạn là 2.083.800.000đ. Đến ngày 31/12/2011 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ là 92 ngày, do vậy số tiền 2.083.800.000đ được tính lãi suất như sau: $2.083.800.000đ \times 0.575\% \times 92 \text{ ngày} : 30 = 36.744.340đ$.

- Ngày 30/12/2011 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ, do đó số tiền gốc còn lại trong hạn là 1.894.360.000đ. Đến ngày 31/3/2012 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ là 91 ngày, do vậy số tiền 1.894.360.000đ được tính lãi suất như sau: $1.894.360.000đ \times 0.575\% \times 91 \text{ ngày} : 30 = 33.040.796đ$.

- Ngày 31/3/2012 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ, do đó số tiền gốc còn lại trong hạn là 1.704.920.000đ. Đến ngày 30/6/2012 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ là 91 ngày, do vậy số tiền 1.704.920.000đ được tính lãi suất như sau: $1.704.920.000đ \times 0.575\% \times 91 \text{ ngày} : 30 = 29.736.646đ$.

- Ngày 30/6/2012 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ, do đó số tiền gốc còn lại trong hạn là 1.515.480.000đ. Đến ngày 30/9/2012 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ là 92 ngày, do vậy số tiền 1.515.480.000đ được tính lãi suất như sau: $1.515.480.000đ \times 0.575\% \times 92 \text{ ngày} : 30 = 26.722.964đ$.

- Ngày 30/9/2012 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ, do đó số tiền gốc còn lại trong hạn là 1.326.040.000đ. Đến ngày 31/12/2012 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ là 92 ngày, do vậy số tiền 1.326.040.000đ được tính lãi suất như sau: $1.326.040.000đ \times 0.575\% \times 92 \text{ ngày} : 30 = 23.382.505đ$.

- Ngày 31/12/2012 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ, do đó số tiền gốc còn lại trong hạn là 1.136.600.000đ. Đến ngày 31/3/2013 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ là 90 ngày, do vậy số tiền 1.136.600.000đ được tính lãi suất như sau: $1.136.600.000đ \times 0.575\% \times 90 \text{ ngày} : 30 = 19.606.350đ$.

- Ngày 31/3/2013 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ, do đó số tiền gốc còn lại trong hạn là 947.160.000đ. Đến ngày 30/6/2013 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ là 91 ngày, do vậy số tiền 947.160.000đ được tính lãi suất như sau: $947.160.000đ \times 0.575\% \times 91 \text{ ngày} : 30 = 16.520.049đ$.

- Ngày 30/6/2013 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ, do đó số tiền gốc còn lại trong hạn là 757.720.000đ. Đến ngày 30/9/2013 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ là 92 ngày, do vậy số tiền 757.720.000đ được tính lãi suất như sau: $757.720.000đ \times 0.575\% \times 92 \text{ ngày} : 30 = 13.361.129đ$.

- Ngày 30/9/2013 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ, do đó số tiền gốc còn lại trong hạn là 568.280.000đ. Đến ngày 31/12/2013 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ là 92 ngày, do vậy số tiền 568.280.000đ được tính lãi suất như sau: $568.280.000đ \times 0.575\% \times 92 \text{ ngày} : 30 = 10.020.671đ$.

- Ngày 31/12/2013 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ, do đó số tiền gốc còn lại trong hạn là 378.840.000đ. Đến ngày 31/3/2014 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ là 90 ngày, do vậy số tiền 378.840.000đ được tính lãi suất như sau: $378.840.000đ \times 0.575\% \times 90 \text{ ngày} : 30 = 6.534.990đ$.

- Ngày 31/3/2014 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ, do đó số tiền gốc còn lại trong hạn là 189.437.000đ. Đến ngày 30/6/2014 Công ty P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 189.440.000đ là 91 ngày, do vậy số tiền 189.437.000đ được tính lãi suất như sau: $189.437.000đ \times 0.575\% \times 91 \text{ ngày} : 30 = 3.304.097đ$.

*** Lãi suất quá hạn:** Theo phụ lục hợp đồng số 10/2009/HĐTD-TD ngày 25/12/2009 Quỹ đầu tư và Công ty P thỏa thuận mức lãi suất đối với khoản vay là 6.9%/năm (0.575%/tháng). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Như vậy lãi suất quá hạn được tính là $6.9\%/năm \times 150\% = 10.35\%/năm$ (0.8625%/tháng), lãi suất quá hạn được tính như sau:

- Ngày 30/9/2010 Công ty P có nghĩa vụ trả cho Quỹ đầu tư số tiền vay gốc kỳ 1 là 189.440.000đ. Đến ngày 31/12/2010 trả tiếp số tiền vay gốc của kỳ 2. Do vậy lãi suất quá hạn của số tiền 189.440.000đ được tính từ ngày 01/10/2010 đến 31/12/2010 là 92

ngày, mức lãi suất được tính như sau: $189.440.000đ \times 0.8625\% \times 92 \text{ ngày} : 30 = 5.010.688đ$.

- Ngày 31/12/2010 Công ty P có nghĩa vụ trả cho Quỹ đầu tư số tiền vay gốc kỳ 2 là 189.440.000đ, số tiền gốc quá hạn là 378.880.000đ. Đến ngày 31/3/2011 trả tiếp số tiền vay gốc của kỳ 1 năm 2011. Do vậy lãi suất quá hạn của số tiền 378.880.000đ được tính từ ngày 01/01/2011 đến 31/3/2011 là 90 ngày, mức lãi suất được tính như sau: $378.880.000đ \times 0.8625\% \times 90 \text{ ngày} : 30 = 9.830.520đ$.

- Ngày 31/3/2011 Công ty P có nghĩa vụ trả cho Quỹ đầu tư số tiền vay gốc kỳ 2 là 189.440.000đ, số tiền gốc quá hạn là 568.320.000đ. Đến ngày 30/6/2011 trả tiếp số tiền vay gốc của kỳ 2 năm 2011. Do vậy lãi suất quá hạn của số tiền 568.320.000đ được tính từ ngày 01/4/2011 đến 30/6/2011 là 91 ngày, mức lãi suất được tính như sau: $568.320.000đ \times 0.8625\% \times 91 \text{ ngày} : 30 = 14.868.672đ$.

- Ngày 30/6/2011 Công ty P có nghĩa vụ trả cho Quỹ đầu tư số tiền vay gốc kỳ 2 là 189.440.000đ, số tiền gốc quá hạn là 757.760.000đ. Đến ngày 30/9/2011 trả tiếp số tiền vay gốc của kỳ 3 năm 2011. Do vậy lãi suất quá hạn của số tiền 757.760.000đ được tính từ ngày 01/7/2011 đến 30/9/2011 là 92 ngày, mức lãi suất được tính như sau: $757.760.000đ \times 0.8625\% \times 92 \text{ ngày} : 30 = 20.042.752đ$.

- Ngày 30/9/2011 Công ty P có nghĩa vụ trả cho Quỹ đầu tư số tiền vay gốc kỳ 3 là 189.440.000đ, số tiền gốc quá hạn là 947.200.000đ. Đến ngày 31/12/2011 trả tiếp số tiền vay gốc của kỳ 4 năm 2011. Do vậy lãi suất quá hạn của số tiền 947.200.000đ được tính từ ngày 01/10/2011 đến 31/12/2011 là 92 ngày, mức lãi suất được tính như sau: $947.200.000đ \times 0.8625\% \times 92 \text{ ngày} : 30 = 25.053.440đ$.

- Ngày 31/12/2011 Công ty P có nghĩa vụ trả cho Quỹ đầu tư số tiền vay gốc kỳ 4 là 189.440.000đ, số tiền gốc quá hạn là 1.136.640.000đ. Đến ngày 31/3/2012 trả tiếp số tiền vay gốc của kỳ 1 năm 2012. Do vậy lãi suất quá hạn của số tiền 1.136.640.000đ được tính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012 là 91 ngày, mức lãi suất được tính như sau: $1.136.640.000đ \times 0.8625\% \times 91 \text{ ngày} : 30 = 29.737.344đ$.

- Ngày 31/3/2012 Công ty P có nghĩa vụ trả cho Quỹ đầu tư số tiền vay gốc kỳ 1 là 189.440.000đ, số tiền gốc quá hạn là 1.326.080.000đ. Đến ngày 30/6/2012 trả tiếp số tiền vay gốc của kỳ 2 năm 2012. Do vậy lãi suất quá hạn của số tiền 1.326.080.000đ được tính từ ngày 01/4/2012 đến 30/6/2012 là 91 ngày, mức lãi suất được tính như sau:
 $1.326.080.000đ \times 0.8625\% \times 91 \text{ ngày} : 30 = 34.693.568đ.$

- Ngày 30/6/2012 Công ty P có nghĩa vụ trả cho Quỹ đầu tư số tiền vay gốc kỳ 2 là 189.440.000đ, số tiền gốc quá hạn là 1.515.520.000đ. Đến ngày 30/9/2012 trả tiếp số tiền vay gốc của kỳ 3 năm 2012. Do vậy lãi suất quá hạn của số tiền 1.515.520.000đ được tính từ ngày 01/7/2012 đến 30/9/2012 là 92 ngày, mức lãi suất được tính như sau:
 $1.515.520.000đ \times 0.8625\% \times 92 \text{ ngày} : 30 = 40.085.504đ.$

- Ngày 30/9/2012 Công ty P có nghĩa vụ trả cho Quỹ đầu tư số tiền vay gốc kỳ 3 là 189.440.000đ, số tiền gốc quá hạn là 1.704.960.000đ. Đến ngày 31/12/2012 trả tiếp số tiền vay gốc của kỳ 4 năm 2012. Do vậy lãi suất quá hạn của số tiền 1.704.960.000đ được tính từ ngày 01/10/2012 đến 31/12/2012 là 92 ngày, mức lãi suất được tính như sau:
 $1.704.960.000đ \times 0.8625\% \times 92 \text{ ngày} : 30 = 45.096.192đ.$

- Ngày 31/12/2012 Công ty P có nghĩa vụ trả cho Quỹ đầu tư số tiền vay gốc kỳ 4 là 189.440.000đ, số tiền gốc quá hạn là 1.894.400.000đ. Đến ngày 31/3/2013 trả tiếp số tiền vay gốc của kỳ 1 năm 2013. Do vậy lãi suất quá hạn của số tiền 1.894.400.000đ được tính từ ngày 01/01/2013 đến 31/3/2013 là 90 ngày, mức lãi suất được tính như sau:
 $1.894.400.000đ \times 0.8625\% \times 90 \text{ ngày} : 30 = 49.017.600đ.$

- Ngày 31/3/2013 Công ty P có nghĩa vụ trả cho Quỹ đầu tư số tiền vay gốc kỳ 1 là 189.440.000đ, số tiền gốc quá hạn là 2.083.840.000đ. Đến ngày 30/6/2013 trả tiếp số tiền vay gốc của kỳ 2 năm 2013. Do vậy lãi suất quá hạn của số tiền 2.083.840.000đ được tính từ ngày 01/4/2013 đến 30/6/2013 là 91 ngày, mức lãi suất được tính như sau:
 $2.093.840.000đ \times 0.8625\% \times 91 \text{ ngày} : 30 = 54.780.089đ.$

- Ngày 30/6/2013 Công ty P có nghĩa vụ trả cho Quỹ đầu tư số tiền vay gốc kỳ 2 là 189.440.000đ, số tiền gốc quá hạn là 2.273.280.000đ. Đến ngày 30/9/2013 trả tiếp số tiền vay gốc của kỳ 3 năm 2013. Do vậy lãi suất quá hạn của số tiền 2.273.280.000đ

được tính từ ngày 01/7/2013 đến 30/9/2013 là 92 ngày, mức lãi suất được tính như sau:
 $2.273.280.000đ \times 0.8625\% \times 92 \text{ ngày} : 30 = 60.128.256đ.$

- Ngày 30/9/2013 Công ty P có nghĩa vụ trả cho Quỹ đầu tư số tiền vay gốc kỳ 3 là 189.440.000đ, số tiền gốc quá hạn là 2.462.720.000đ. Đến ngày 31/12/2013 trả tiếp số tiền vay gốc của kỳ 4 năm 2013. Do vậy lãi suất quá hạn của số tiền 2.462.720.000đ được tính từ ngày 01/10/2013 đến 31/12/2013 là 92 ngày, mức lãi suất được tính như sau:
 $2.462.720.000đ \times 0.8625\% \times 92 \text{ ngày} : 30 = 65.138.944đ.$

- Ngày 31/12/2013 Công ty P có nghĩa vụ trả cho Quỹ đầu tư số tiền vay gốc kỳ 4 là 189.440.000đ, số tiền gốc quá hạn là 2.652.160.000đ. Đến ngày 31/3/2014 trả tiếp số tiền vay gốc của kỳ 1 năm 2014. Do vậy lãi suất quá hạn của số tiền 2.652.160.000đ được tính từ ngày 01/01/2014 đến 31/3/2014 là 90 ngày, mức lãi suất được tính như sau:
 $2.652.160.000đ \times 0.8625\% \times 90 \text{ ngày} : 30 = 68.624.640đ.$

- Ngày 31/3/2014 Công ty P có nghĩa vụ trả cho Quỹ đầu tư số tiền vay gốc kỳ 1 là 189.440.000đ, số tiền gốc quá hạn là 2.841.600.000đ. Đến ngày 30/6/2014 trả tiếp số tiền vay gốc của kỳ 2 năm 2014. Do vậy lãi suất quá hạn của số tiền 2.841.600.000đ được tính từ ngày 01/4/2014 đến 30/6/2014 là 91 ngày, mức lãi suất được tính như sau:
 $2.841.600.000đ \times 0.8625\% \times 91 \text{ ngày} : 30 = 74.343.360đ.$

- Ngày 30/6/2014 Công ty P có nghĩa vụ trả cho Quỹ đầu tư số tiền vay gốc còn lại, do đó toàn bộ khoản vay gốc 3.031.000.000 chuyển sang lãi quá hạn từ ngày 01/7/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/10/2017 là 1.218 ngày, mức lãi suất được tính như sau:
 $3.031.000.000đ \times 0.8625\% \times 1.218 \text{ ngày} : 30 = 1.061.380.425đ.$

Tổng lãi suất trong hạn và quá hạn là: $1.102.304.937đ + 1.657.804.994đ = 2.760.109.931đ.$

Tổng số tiền lãi suất trong hạn và quá hạn Công ty P phải trả cho Quỹ đầu tư là 2.760.109.931đ, Trong khi đó Quỹ đầu tư yêu cầu Công ty P phải trả tiền lãi suất trong hạn và quá hạn là 3.706.766.662đ nên HĐXX bác yêu cầu của Quỹ đầu tư đối với số tiền lãi suất 946.656.731đ.

Như vậy, tổng cộng tiền vay gốc và lãi suất buộc Công ty TNHH P có nghĩa vụ trả cho Quỹ đầu tư phát triển Đ là 5.791.109.931đ; khấu trừ số tiền lãi suất đã trả trước 221.236.000đ, số tiền còn phải trả tiếp: 5.569.873.931đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[4]Về Tài sản thế chấp:

Đối với hợp đồng thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư số 01/2009/HĐTCTS ngày 10/01/2008: Theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư số 01/2008/HĐTCTS ngày 10/01/2008, anh Nguyễn Trọng Đăng K thế chấp cho Quỹ đầu tư phát triển Đ tài sản là Quyền sử dụng đất đã được UBND huyện P cấp GCNQSD đất số AA - 346164 ngày 05/10/2004 đứng tên hộ Nguyễn Trọng Đăng K. Diện tích đất thế chấp 237m² tại thửa đất 434a, tờ bản đồ số 17; địa chỉ lô đất: Thị trấn P, huyện P, tỉnh Đắk Lắk và tài sản hình thành từ vốn vay là 01 nhà cấp 2 có diện tích 211m². Hợp đồng thế chấp này nhằm đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc 3.031.000.000đ và lãi suất theo hợp đồng vay vốn số 01/2008/HĐTCTS ngày 10/01/2008. Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư số 01/2008/HĐTCTS ngày 10/01/2008 được công chứng tại Phòng công chứng số 02, tỉnh Đắk Lắk ngày 30/01/2008 và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện P, tỉnh Đắk Lắk ngày 30/01/2008.

- Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/HĐTC ngày 29/10/2007: Theo hợp đồng số 02 thì ông Nguyễn M bà Trần Thị M thế chấp cho Quỹ đầu tư phát triển Đ để cho Công ty TNHH P vay vốn. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đã được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 800746 ngày 29/6/2006 đứng tên hộ ông Nguyễn M bà Trần Thị M. Diện tích đất thế chấp 152,1m²; thửa đất 153, tờ bản đồ số 08; địa chỉ lô đất: 127, Nguyễn Thị Minh K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và 01 nhà xây cấp 4 trên đất diện tích 152,1m². Hợp đồng thế chấp này nhằm đảm bảo cho số tiền vay gốc 683.202.399đ và lãi suất đối với số tiền 683.202.399đ theo hợp đồng vay vốn số 01/2008/HĐTCTS ngày

10/01/2008. Như vậy tài sản thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba theo hợp đồng số 02/HĐTC ngày 29/10/2007 tương đương với 22,54% của tổng số tiền vay gốc Quỹ đầu tư đã giải ngân cho Công ty P ($683.202.399\text{đ}/3.031.000.000\text{đ} = 22,54\%$). Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, số tiền lãi trong hạn và quá hạn HĐXX tuyên buộc Công ty P phải trả cho Quỹ đầu tư là 2.538.873.931đ. Do đó 22,54% giá trị tài sản bảo đảm tương đương với số tiền lãi suất phát sinh là: $2.538.873.931\text{đ} \times 22,54\% = 572.262.184\text{đ}$. Như vậy tài sản thế chấp đối với hợp đồng số 02/HĐTC ngày 29/10/2007 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/10/2017 chỉ đảm bảo cho tổng số tiền 1.252.464.583đ, trong đó tiền vay gốc 683.202.399đ, tiền lãi suất 572.262.184đ. Ngoài ra số tài sản trên phải chịu nghĩa vụ là 22,54% của tổng số tiền lãi suất chậm trả kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

- Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 01/HĐTC ngày 22/10/2007: Theo hợp đồng số 01 thì ông Nguyễn Trọng Đăng K thế chấp cho Quỹ đầu tư phát triển Đ để cho Công ty TNHH P vay vốn. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đã được UBND thành phố B cấp GCNQSD đất số AK-597387 ngày 19/10/2007 đứng tên ông Nguyễn Trọng Đăng K. Diện tích đất thế chấp 120m^2 ; thửa đất số 139, tờ bản đồ số 50; địa chỉ lô đất: Phường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và 01 nhà xây cấp 4 trên đất có diện tích sử dụng 120m^2 . Hợp đồng thế chấp này nhằm đảm bảo cho số tiền vay gốc 226.109.000đ và lãi suất ứng với số tiền vay 226.109.000đ theo hợp đồng vay vốn số 01/2008/HĐTCTS ngày 10/01/2008. Như vậy tài sản thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba theo hợp đồng số 01/HĐTC ngày 22/10/2007 tương đương với 7,459% của tổng số tiền vay gốc Quỹ đầu tư đã giải ngân cho Công ty P ($226.109.000\text{đ}/3.031.000.000\text{đ} = 7,459\%$). Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, số tiền lãi trong hạn và quá hạn HĐXX tuyên buộc Công ty P phải trả cho Quỹ đầu tư là 2.538.873.931đ. Do đó 7,45% giá trị tài sản bảo đảm tương đương với số tiền lãi suất phát sinh là: $2.538.873.931\text{đ} \times 7,459\% = 189.374.606\text{đ}$. Như vậy tài sản thế chấp đối với hợp đồng số 01/HĐTC ngày 22/10/2007 tính đến

ngày xét xử sơ thẩm 30/10/2017 chỉ đảm bảo cho tổng số tiền 410.610.606đ, trong đó tiền vay gốc 221.236.000đ, tiền lãi suất 189.374.606đ. Ngoài ra số tài sản trên phải chịu nghĩa vụ tương đương 7,459% của tổng số tiền lãi suất chậm trả kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Xét thấy việc thế chấp trên của các bên đương sự là hợp pháp, đúng theo quy định của pháp luật tại Khoản 3 Điều 318 Bộ luật dân sự năm 2005. Áp dụng Điều 319, Điều 355 Bộ luật dân sự 2005 và Khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/ 2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Do vậy trong trường hợp Công ty P không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Quỹ đầu tư có quyền yêu cầu thi hành án cưỡng chế bán phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ trên phạm vi nghĩa vụ bảo đảm 3.031.000.000đ tiền vay gốc và 2.538.873.931đ tiền lãi suất phát sinh tính đến ngày 30/10/2017 và khoản lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ gốc. Thứ tự phát mãi tài sản như sau:

Phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất thế chấp 237m² tại thửa đất 434a, tờ bản đồ số 17; địa chỉ lô đất: Thị trấn P, huyện P, tỉnh Đắk Lắk và tài sản hình thành từ vốn vay là 01 nhà cấp 2 có diện tích 211 m², đất đã được UBND huyện P cấp GCNQSD đất số AA - 346164 ngày 05/10/2004 đứng tên hộ Nguyễn Trọng Đăng K để đảm bảo cho toàn bộ số tiền 5.569.873.931đ (Trong đó tiền vay gốc 3.031.000.000đ và 2.538.873.931đ) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ gốc. Trong trường hợp phát mãi số tài sản trên không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ đầu tư thì số tiền phải trả còn lại Quỹ đầu tư được quyền yêu cầu thi hành án phát mãi đối với 02 tài sản là quyền sử dụng đất 152,1m²; thửa đất 153, tờ bản đồ số 08; địa chỉ lô đất: 127, Nguyễn Thị Minh K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và 01 nhà xây cấp 4 trên đất diện tích 152,1m² đất đã được UBND thành phố B cấp GCNQSD đất số AD 800746 ngày 29/6/2006 đứng tên hộ ông Nguyễn M, bà Trần Thị M trong phạm vi số tiền 1.252.464.583đ, trong đó tiền vay gốc 683.202.399đ, tiền lãi suất 572.262.184đ và số tiền lãi suất phát sinh tương đương với tỷ lệ 22,54% của tổng số tiền lãi suất tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày

30/10/2017) và quyền sử dụng đất 120m² thửa đất số 139, tờ bản đồ số 50; địa chỉ lô đất: Phường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và 01 nhà xây cấp 4 trên đất có diện tích sử dụng 120m² đất đã được UBND thành phố B cấp GCNQSD đất số AK-597387 ngày 19/10/2007 đứng tên ông Nguyễn Trọng Đăng K trong phạm vi số tiền 410.610.606đ, trong đó tiền vay gốc 221.236.000đ, tiền lãi suất 189.374.606đ và số tiền lãi suất phát sinh tương đương với tỷ lệ 7,459% của tổng số tiền lãi suất tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 30/10/2017).

Sau khi Công ty trách nhiệm hữu hạn P thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Quỹ đầu tư phát triển Đ có nghĩa vụ trả lại tài sản đã thế chấp là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 597387 ngày 19/10/2007 đứng tên ông Nguyễn Trọng Đăng K tại thửa đất số 139, tờ bản đồ số 50, diện tích thửa đất 120 m² và tài sản trên đất: nhà xây cấp 4. Địa chỉ thửa đất: Phường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 346164 ngày 05/10/2004 đứng tên hộ Nguyễn Trọng Đăng K tại thửa đất 434a, tờ bản đồ số 17, diện tích đất 237 m², địa chỉ thửa đất: Thị trấn P, huyện P, tỉnh Đắk Lắk cho anh Nguyễn Trọng Đăng K.

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 800746 ngày 29/6/2006 đứng tên hộ Nguyễn M, Trần Thị M tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 08, diện tích đất 152,1 m² và tài sản trên đất là nhà xây cấp 4 do hiện nay chưa xác định được hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn M, Trần Thị M nên tách ra bằng một vụ án khác khi các đương sự liên quan có đơn khởi kiện.

Đối với bà Nguyễn Thị Ánh T: Khi xác lập hợp đồng vay, Công ty TNHH P ký hợp đồng vay với Quỹ đầu tư phát triển Đ để đầu tư xây dựng nhà hộ sinh, tài sản thế chấp là của anh Nguyễn Trọng Đăng K, và ông Nguyễn M bà Trần Thị M, mọi hoạt động thu chi của Công ty P không liên quan đến bà Nguyễn Thị Ánh T nên không có cơ sở để xem xét buộc bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ đầu tư phát triển Đ.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án, Pháp lệnh án phí, lệ phí toà án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/ PL-UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm

2009 Công ty TNHH P phải chịu 113.569.500đ tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Theo mức tính:

$4.000.000.000đ$ phải chịu $112.000.000đ + (5.569.873.931đ - 4.000.000.000đ) \times 0.1\% = 113.569.500đ$ (Làm tròn số).

Do HĐXX bác một phần yêu cầu lãi suất của Quỹ đầu tư phát triển Đ đối với số tiền 946.656.731đ nên Quỹ đầu tư phát triển Đ phải chịu 40.399.500đ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo mức: $800.000.000đ$ phải chịu $36.000.000đ + [(946.656.731đ - 800.000.000đ) \times 3\%]$. Được khấu trừ vào số tiền 56.717.000đ tạm ứng án phí. Hoàn trả cho Quỹ đầu tư phát triển Đ số tiền 16.317.500đ tạm ứng án phí còn lại theo biên lai số AA/2010/0018035, ngày 15/10/2013 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

Đối với số tiền 10.050.000đ (Mười triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) Quỹ đầu tư nộp cho Chi nhánh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông Thành Phố M và Tòa soạn báo L để thông báo cho ông Nguyễn Trọng T, anh Nguyễn Trọng Đăng K, chị Nguyễn Thị Ánh T và hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn M, bà Trần Thị M đến Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Số tiền này Quỹ đầu tư không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 471, Điều 474; Điều 318, Điều 319, Điều 355 của Bộ luật dân sự 2005.

- Điều 4 Luật kinh doanh thương mại 2005.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/ PL-UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm 2009.

- Mục 3 phần I Thông Tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19 tháng 6 năm 1997 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính; Khoản 1 điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ đầu tư phát triển Đ.

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn P có trách nhiệm trả cho Quỹ đầu tư phát triển Đ số tiền 5.569.873.931đ (Năm tỷ, năm trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi ba ngàn, chín trăm ba mươi một đồng). Trong đó tiền vay gốc: 3.031.000.000đ, tiền lãi suất tính đến ngày 30/10/2017 là: 2.538.873.931đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty trách nhiệm hữu hạn P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Bác một phần khởi kiện của Quỹ đầu tư phát triển Đ về việc yêu cầu Công ty TNHH P trả cho Quỹ đầu tư phát triển Đ số tiền 946.656.731đ lãi suất.

3. Sau khi Công ty trách nhiệm hữu hạn P thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Quỹ đầu tư phát triển Đ có nghĩa vụ trả lại tài sản đã thế chấp là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 597387 ngày 19/10/2007 đứng tên ông Nguyễn Trọng Đăng K tại thửa đất số 139, tờ bản đồ số 50, diện tích thửa đất 120 m² và tài sản trên đất: nhà xây cấp 4. Địa chỉ thửa đất: Phường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 346164 ngày 05/10/2004 đứng tên hộ Nguyễn Trọng Đăng K tại thửa đất 434a, tờ bản đồ số 17, diện tích đất 237 m², địa chỉ thửa đất: Thị trấn P, huyện P, tỉnh Đắk Lắk cho anh Nguyễn Trọng Đăng K.

4. Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 800746 ngày 29/6/2006 đứng tên hộ Nguyễn M, Trần Thị M tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 08, diện tích đất 152,1 m² và tài sản trên đất là nhà xây cấp 4 do hiện nay chưa xác định được hàng thừa

kế thứ nhất của ông Nguyễn M, Trần Thị M nên tách ra bằng một vụ án khác khi các đương sự liên quan có đơn khởi kiện.

5. Trong trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn P không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Quỹ đầu tư có quyền yêu cầu thi hành án cưỡng chế bán phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ trên phạm vi nghĩa vụ bảo đảm 3.031.000.000đ tiền vay gốc và 2.538.873.931đ tiền lãi suất phát sinh tính đến ngày 30/10/2017 và khoản lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ gốc. Thứ tự phát mãi tài sản như sau:

Phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất thế chấp 237m² tại thửa đất 434a, tờ bản đồ số 17; địa chỉ lô đất: Thị trấn P, huyện P, tỉnh Đắk Lắk và tài sản hình thành từ vốn vay là 01 nhà cấp 2 có diện tích 211 m², đất đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA - 346164 ngày 05/10/2004 đứng tên hộ Nguyễn Trọng Đăng K để đảm bảo cho toàn bộ số tiền 5.569.873.931đ (Trong đó tiền vay gốc 3.031.000.000đ và 2.538.873.931đ) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ gốc. Trong trường hợp phát mãi số tài sản trên không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ đầu tư thì số tiền phải trả còn lại Quỹ đầu tư được quyền yêu cầu thi hành án phát mãi đối với 02 tài sản là quyền sử dụng đất 152,1 m²; thửa đất 153, tờ bản đồ số 08; địa chỉ lô đất: 127, Nguyễn Thị Minh K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và 04 nhà xây cấp 4 trên đất diện tích 152,1m² đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 800746 ngày 29/6/2006 đứng tên hộ ông Nguyễn M bà Trần Thị M trong phạm vi số tiền 1.252.464.583đ, trong đó tiền vay gốc 683.202.399đ, tiền lãi suất 572.262.184đ và số tiền lãi suất phát sinh tương đương với tỷ lệ 22,54% của tổng số tiền lãi suất tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 30/10/2017) và quyền sử dụng đất 120 m² thửa đất số 139, tờ bản đồ số 50; địa chỉ lô đất: Phường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và 04 nhà xây cấp 4 trên đất có diện tích sử dụng 120m² đất đã được UBND thành phố B cấp GCNQSD đất số AK-597387 ngày 19/10/2007 đứng tên ông Nguyễn Trọng Đăng K trong phạm vi số tiền 410.610.606đ, trong đó tiền vay gốc 221.236.000đ, tiền

lãi suất 189.374.606đ và số tiền lãi suất phát sinh tương đương với tỷ lệ 7,459%. của tổng số tiền lãi suất tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 30/10/2017).

Sau khi Công ty trách nhiệm hữu hạn P thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Quỹ đầu tư phát triển Đ có nghĩa vụ trả lại tài sản đã thế chấp là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 597387 ngày 19/10/2007 đứng tên ông Nguyễn Trọng Đăng K tại thửa đất số 139, tờ bản đồ số 50, diện tích thửa đất 120 m² và tài sản trên đất: nhà xây cấp 4. Địa chỉ thửa đất: Phường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 346164 ngày 05/10/2004 đứng tên hộ Nguyễn Trọng Đăng K tại thửa đất 434a, tờ bản đồ số 17, diện tích đất 237 m², địa chỉ thửa đất: Thị trấn P, huyện P, tỉnh Đắk Lắk cho anh Nguyễn Trọng Đăng K.

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 800746 ngày 29/6/2006 đứng tên hộ Nguyễn M, Trần Thị M tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 08, diện tích đất 152,1 m² và tài sản trên đất là nhà xây cấp 4 do hiện nay chưa xác định được hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn M, Trần Thị M nên tách ra bằng một vụ án khác khi các đương sự liên quan có đơn khởi kiện.

6. Về án phí: Buộc Công ty TNHH P phải chịu 113.569.500đ tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Quỹ đầu tư phát triển Đ phải chịu 40.399.500đ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 56.717.000đ tạm ứng án phí. Hoàn trả cho Quỹ đầu tư phát triển Đ số tiền 16.317.500đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/0018035, ngày 15/10/2013 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

7. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH P ông Nguyễn Trọng T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trọng Đăng K, bà Nguyễn Thị Ánh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Thi hành án huyện P;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Trương Quang Vinh